

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TW25

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển


1. Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 (UPHACE) là đơn vị thành viên độc lập trực thuộc Tổng Công ty dược Việt Nam được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 4103007041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/7/2008. Trước khi Cổ phần hóa, tiền thân là sự sát nhập giữa Xí nghiệp Dược phẩm TW21 và Xí nghiệp Dược phẩm TW25. Hoạt động theo cơ chế cổ phần từ ngày 01/7/2007. Bao gồm các Trung tâm, Nhà máy do 02 Xí nghiệp tiếp quản.

- Trung tâm Quân Dược Viện.
- Viện bào chế YARON
- Viện bào chế ALPHA
- Viện bào chế SIFAP
- Viện bào chế FARMO
- Viện bào chế BIOFACM, ZENIT



2. Giới thiệu về Công ty:

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TW25
- Tên tiếng Anh : No.25 CENTRAL PHARMACEUTICAL JSC
- Tên viết tắt : UPHACE
- Mã chứng khoán : UPH
- Sàn đăng ký giao dịch : HNX
- Biểu tượng của Công ty : 
- Vốn điều lệ : 132.946.410.000 đồng.
- Trụ sở chính : 120 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM.
- Xưởng sản xuất : 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
- Điện thoại : (84-8) 9414967 Fax: (84-8) 9414975
- Email : duocphamtw25@uphace.vn
- Web site : www.uphace.vn
- Giấy CNĐKKD: Số 4103007041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 /6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17/09/2016.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - Sản xuất kinh doanh dược phẩm;
 - Sản xuất thực phẩm chức năng;
 - Sản xuất và mua bán mỹ phẩm;
 - Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không sản xuất tại trụ sở);
 - Mua bán nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở);
 - Sản xuất và mua bán bao bì bằng giấy, nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
 - Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế (không sản xuất tại trụ sở);

- Kinh doanh bất động sản...

Trụ sở Công ty:

Địa chỉ : 120 Hai Bà Trưng, Q.1, TP.HCM

Điện thoại : (84-8) 39414 697 Fax: (84-8) 3941 4975

Xưởng sản xuất:

Địa chỉ : 448B, Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM

Điện thoại : (84-8) 3940 4969 Fax : (84-8) 3941 4975

Hiện Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 có 08 phòng ban chức năng và 04 Xưởng sản xuất. Các phòng ban chức năng của Công ty bao gồm:

Phòng ban chức năng:

- Phòng Kế toán tài chính
- Phòng Tổ chức hành chính
- Phòng Kế hoạch
- Phòng bán hàng
- Phòng Nghiên cứu phát triển
- Phòng Đảm bảo chất lượng
- Phòng Kiểm nghiệm
- Phòng Cơ điện
- Chi nhánh: Chi nhánh Hà Nội

Xưởng sản xuất:

- Xưởng Non- Betalactamin
- Xưởng Betalactamin
- Xưởng thuốc tiêm - giọt
- Dây chuyền thực phẩm chức năng.

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016**1. Kết quả sản xuất kinh doanh:***ĐV tính: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	Tổng giá trị tài sản	182.677.498.503	191.565.696.873
2	Tổng doanh thu	150.798.685.345	165.868.542.580
3	Lợi nhuận trước thuế	3.100.482.148	3.817.330.066
4	Nợ ngân sách	729.488.769	1.134.810.772
5	Tổng quỹ lương	14.297.119.053	15.264.266.782
6	Tiền lương bình quân (người/tháng)	5.854.496	6.012.000
7	Cổ tức (%)	2%	2%

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	Cơ cấu tài sản	%	%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	26,45	24.12
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	73,55	75.88
2	Cơ cấu vốn	%	%
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	48,23	15.87
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	51,77	84.13
3	Khả năng thanh toán	Lần	Lần
	- Khả năng thanh toán nhanh	1,03	3.95
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1,55	5.05
4.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Lần	Lần
	- Vòng quay hàng tồn kho	2,77	3.51
	- Doanh thu thuần /Tổng tài sản	0,83	0.89
5	Khả năng sinh lời	%	%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,08	1.99
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,66	1.98
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	2,65	2.03
	- Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	1,16	2.37
6	- Thu nhập trên cổ phần (VNĐ/CP)	864,24	351,09

2. Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu vốn điều lệ: Tại thời điểm 31/12/2016:

Chi tiêu	VNĐ	Tỷ lệ(%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Tổng vốn điều lệ	132.946.410.000	100	407	7	400
- Cổ đông nắm giữ trên 5% * có quyền biểu quyết	115.100.000.000	86,57	2	2	0
- Cổ đông nắm giữ 1% đến 5% có quyền biểu quyết	10.048.000.000	7,55	2	2	0
- Cổ đông nắm giữ dưới 1% có quyền biểu quyết	7.798.641.000	5,87	403	3	400
- Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
Trong đó:					
- Vốn Nhà nước	0	0	0	0	0
- Vốn nước ngoài	0	0	0	0	0

- Cổ tức/ Lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn:

- Trích 1.558.928.200 đồng để thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ chi trả: 02% (tương đương 200 đ/cổ phiếu). Thời gian dự kiến thực hiện chi trả cổ tức: tháng 07/2017. Ghi chú: Đối với số cổ phần 5.500.000 phát hành trong năm 2016 thì không chi trả cổ tức.

- Những thay đổi của cổ đông lớn tại thời điểm 31/12/2016:

Stt	Họ tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Lý do hạn chế chuyển nhượng
1	CTCP Dược phẩm OPC	0302560110	Lần đầu ngày 25/3/2002 thay đổi lần thứ 12 ngày 27/6/2012	Sở KHĐT TP.Hồ Chí Minh	5.500.000	1 năm	Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016 của CTCP Dược TW25
	Tổng cộng				5.500.000		

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2016:

- Căn cứ vào quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động và tình hình thực tế của Công ty. Trong năm 2015, HĐQT Công ty đã tiến hành 08 cuộc họp theo định kỳ và bất thường để xem xét giải quyết kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, ban hành một số quyết định liên quan đến một số nội dung như sau:
 - Các quyết định liên quan việc thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra;
 - Các quyết định liên quan đến việc đầu tư xây dựng dây chuyền GMP- WHO đông dược, khai thác bất động sản, chọn lựa nhà đầu tư chiến lược...;
 - Các quyết định liên quan đến việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức vụ quản lý như Tổng Giám đốc ...
 - Các quyết định liên quan đến việc sáp nhập hệ thống phân phối vào Công ty Cổ phần dược phẩm OPC...;
 - Một số công tác khác thuộc chức năng của Hội đồng Quản trị...

2. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, cùng xem xét nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho Nghị quyết của HĐQT.
- Thường xuyên cùng ban kiểm soát Công ty kiểm tra hoạt động tài chính và các hoạt động khác của Công ty.
- Có ý kiến kịp thời với Ban giám đốc và HĐQT khi nhận thấy có những quyết sách chưa hợp lý.

3. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà phân công cho các uỷ viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực và tham gia trực tiếp vào các Hội đồng của Công ty như: Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng,...

4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT, Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2016 được phân bổ như sau:

Tổng số tiền thù lao = 3% LNST.

1. Tổng số tiền thù lao HĐQT và BKS là:	98.417.290 đồng	
2. Số tiền được chuyển từ năm 2015 sang:	16.785.658 đồng	
3. Tổng số tiền đã chi:	31.500.000 đồng	
4. Số tiền còn lại:	83.702.948 đồng	chuyển sang năm 2017

Chi tiết như sau:

➤ Thành viên HĐQT:

1. Lương Tú Thanh	:	6.500.000 đ
-------------------	---	-------------

2. Nguyễn Đức Thịnh :	4.000.000 đ
3. Phạm Trung Nghĩa :	4.000.000 đ
4. Nguyễn Thị Cẩm :	4.000.000 đ
5. Nguyễn Quý Sơn :	4.000.000 đ

➤ **Thành viên BKS**

1. Nguyễn Quang Trung:	4.000.000 đ
2. Huỳnh Thị Vân Trang :	2.500.000 đ
3. Lê Thục Linh:	2.500.000 đ

5. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của HĐQT trong nhiệm kỳ II (2012 – 2017):

5.1 Về tình hình thực hiện kết quả kinh doanh:

Trong bối cảnh nền kinh tế trong và ngoài nước nói chung và ngành dược Việt Nam nói riêng trong các năm qua có nhiều thay đổi thách thức, nhiều chính sách mới được ban hành làm ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty như Thông tư 19 về quản lý thuốc gây nghiện, hướng tâm thần, tiền chất gây ảnh hưởng đến việc sản xuất và kinh doanh mặt hàng mang lại lợi nhuận cao như Asmin; tình hình chiến tranh tại Ucraina làm gián đoạn việc xuất khẩu; nguồn thu từ bất động sản không đáng kể trong khi tiền thuê đất tăng cao... Cùng với đó là những khó khăn trong nội tại Công ty đã tồn tại trong nhiều năm qua như nguồn vốn hoạt động chủ yếu từ vốn vay; hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị cũ kỹ, nhiều bất cập trong khi mặt bằng nhà máy hiện nay chỉ được thuê trả tiền hàng năm, không ổn định lâu dài để đầu tư lớn; việc thu hút nhân lực chất lượng gặp nhiều khó khăn do thu nhập thấp..... Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực và quyết tâm của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV Công ty đã hoàn thành tương đối các chỉ tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao cho, duy trì sự hoạt động ổn định và phát triển, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo đời sống cho người lao động, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước và đáp ứng phần nào trách nhiệm đối với Cổ đông theo kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm. Cụ thể:

Stt	Chỉ tiêu	TH 2012	TH 2013	TH 2014	TH 2015	TH 2016
1	Doanh thu BH&CC DV	131,8	150,4	173	150,8	165
2	Lợi nhuận trước thuế	5,18	7,5	8,54	3,1	3,8
3	Cổ tức	3%/VĐL	7%/VĐL	8%/VĐL	2%/VĐL	2%/VĐL

DVT: Tỷ đồng

5.2 Về sản xuất – kinh doanh

- Tái cơ cấu đối với danh mục sản phẩm chiến lược có thương hiệu mang lại doanh thu và lợi nhuận trong bối cảnh các mặt hàng mang lại lợi nhuận chủ yếu trước đây như Asmin, Terpincodein... bị thắt chặt tiêu thụ do thay đổi của chính sách Nhà nước.
- Đã thực hiện triển khai thí điểm công tác đấu thầu trực tiếp, theo đó Công ty chấp nhận cạnh tranh về giá để thông qua thị trường ETC thúc đẩy cho việc bán hàng ở thị trường OTC. Cụ thể mặt hàng Cezirnat 500mg, Cezirnat 250mg trước đây chỉ bán được ở thị trường Miền Bắc nay được trúng thầu đã có sự lan tỏa, tăng được thị phần ở TP. Hồ Chí Minh và Miền Nam.
- Về công tác đăng ký sản phẩm: Do yêu cầu của quá trình hội nhập, việc đăng ký visa sản phẩm (bao gồm đăng ký mới, đăng ký lại, đăng ký thay đổi...) theo Thông tư 44 (thay thế Thông tư 22) yêu cầu rất cao và phức tạp, thời gian đăng ký kéo dài (trung bình 2 năm). Tuy nhiên, xác định đây là đòi hỏi sống còn của doanh nghiệp cho nên Công ty hàng năm

đều thực hiện việc rà soát, đánh giá phân loại danh mục sản phẩm, đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các phòng ban chức năng để chủ động triển khai trong công tác đăng ký, hợp tác với các đối tác có khả năng nghiên cứu phát triển các sản phẩm thuốc mới trên dây chuyền Betalactam (dòng Penicillin), NonBetalactam,..Cụ thể số liệu số lượng hồ sơ được cấp số đăng ký qua các năm như sau: Năm 2013: 19; Năm 2014: 21; Năm 2015: 24, Năm 2016: 6.

- Đầu tư tương đương sinh học cho các mặt hàng kháng sinh có triển vọng, giúp phát triển thị phần, tăng doanh số so với trước đây. Ví dụ mặt hàng Uphaxime 200mg sản lượng tiêu thụ của 8 tháng đầu năm 2016 (7,1 triệu viên) đã vượt so với cả năm 2014, 2015 (5,5 triệu viên, 6 triệu viên).
- Giải quyết lượng tồn kho 20 triệu viên Asmin và lượng cao rắn biến trị giá gần 5 tỷ đồng.
- Đăng ký thành công dây chuyền thực phẩm chức năng để duy trì xuất khẩu đi thị trường Châu Âu khi việc đăng ký dạng thuốc gặp khó khăn.
- Hai lần gia hạn thành công số đăng ký thuốc từ dược liệu trong điều kiện chưa có dây chuyền GMP-WHO đồng dược.
- Sáp nhập việc tái kiểm tra 2 dây chuyền Betalactam và Nonbetalactam 2 năm/lần để tiết giảm chi phí và thời gian (trước đây hàng năm đều có tái kiểm tra).
- Hợp tác với cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC trong việc gia công sản phẩm đồng dược để vừa đảm bảo duy trì hàng hóa cho thị trường đồng thời tiết kiệm hàng chục tỷ đồng chi phí đầu tư dây chuyền GMP-WHO đồng dược.
- Đối với dây chuyền thuốc tiêm – giọt: Tập trung sản xuất thuốc giọt, tiết giảm sản xuất dần các sản phẩm thuốc tiêm bị lỗ, qua đó giảm chi phí đầu tư trong khi thời gian thuê đất của nhà máy hiện tại không còn dài.
- Triển khai việc xuất khẩu đi thị trường Campuchia...
- Sáp nhập hệ thống bán hàng của Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 vào hệ thống phân phối gồm 9 Chi nhánh trải dài từ Nam ra Bắc của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC kể từ tháng 10/2016.

5.3 Về đầu tư:

- Xây dựng kho bao bì.
- Rà soát, ưu tiên đầu tư mới một số máy móc, thiết bị cần thiết của Xưởng Beta và Nonbeta theo hướng mang lại hiệu quả trước mắt nhằm khắc phục thời gian chết do máy hư, tránh làm đứt hàng và hư hao vật tư nhiều nhưng vẫn phải đảm bảo công nghệ phù hợp cho tương lai khi xây dựng nhà máy mới.
- Đầu tư sửa chữa phục vụ cho công tác tái kiểm tra GMP-WHO.

5.4 Khai thác bất động sản:

- Đã giải quyết dứt điểm việc hợp tác kinh doanh tại Khu nhà 120 Hai Bà Trưng, P.Đakao, Q.1, TP.HCM với đối tác là Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt, qua đó mang lại cho Công ty một nguồn tiền để đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời giúp giảm chi phí đóng tiền thuê đất hàng năm của Công ty.
- Tiếp tục lên phương án khai thác các khu đất còn lại nhằm thu được nguồn tiền để chuẩn bị cho kế hoạch xây dựng nhà máy mới vào năm 2018.

5.5 Về Quản trị doanh nghiệp:

- Lưu ký tập trung chứng khoán Công ty tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

- Đưa chứng khoán Công ty đăng ký giao dịch trên Sở chứng khoán Hà Nội.
- Thực hiện việc công bố thông tin về quản trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
- Ban hành Quy chế phân định quyền hạn, nhiệm vụ giữa Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc điều hành.

6. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị trong nhiệm kỳ III (2017- 2022):

Phấn đấu sau 5 năm, công ty sẽ bước vào nhóm các công ty sản xuất – kinh doanh dược phẩm tương đối mạnh, có uy tín trong ngành dược, đồng thời trở thành Công ty cổ phần có lợi nhuận và phát triển bền vững.

- Chi tiêu kinh doanh năm 2017:
 - + Tổng doanh thu: 180 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận kế toán trước thuế: 06 tỷ đồng.
- Đầu tư xây dựng nhà máy mới đạt tiêu chuẩn GMP-WHO đồng thời phù hợp với lộ trình GMP-PIC/S của Bộ Y tế.
- Chi tiêu tăng trưởng của nhiệm kỳ: mức tăng từ 5%/năm đến 07%/năm về doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.

7. Giải pháp thực hiện:

7.1 Định hướng đầu tư và phát triển:

- Duy trì sự hoạt động ổn định của nhà máy hiện tại phục vụ cho công tác bán hàng, đăng ký sản phẩm trong khi xây dựng phương án và triển khai đầu tư nhà máy mới. Bên cạnh đó, đầu tư sửa chữa và mua mới một số máy móc, thiết bị thật sự cần thiết để đảm bảo hoạt động của nhà máy được liên tục với chủ trương tiết kiệm nhưng đồng thời phải hiệu quả và phù hợp khi di dời sang nhà máy mới.
- Thông qua Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC để đẩy mạnh việc phân phối và phát triển thị phần.
- Tập trung củng cố phát triển mặt hàng chủ lực của Công ty, nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường, đồng thời phát triển sản phẩm với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao.
- Lập phương án đầu tư nhà máy mới với chiến lược phát triển mặt hàng, tiêu chuẩn công nghệ... đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

7.2 Công tác kế toán tài chính, cân đối và sử dụng vốn:

- Đưa chứng khoán Công ty niêm yết trên Sàn chứng khoán để thu hút nguồn vốn phục vụ cho các dự án đầu tư của Công ty.
- Bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, thu hút vốn đầu tư nhằm tạo nguồn vốn thực hiện các dự án phục vụ sản xuất kinh doanh, như : phát hành thêm cổ phần, liên doanh liên kết, triển khai hợp tác các dự án bất động sản ...
- Tăng cường công tác về quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với các thông tin minh bạch, chính xác.
- Tăng cường công tác thu hồi các khoản nợ khó đòi phát sinh từ hoạt động kinh doanh, khai thác bất động sản (Công ty Kim Long).

- Tái cấu trúc nguồn vốn hoạt động để đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty.
- Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí sản xuất – kinh doanh.

7.3 Công tác điều hành và quản trị doanh nghiệp:

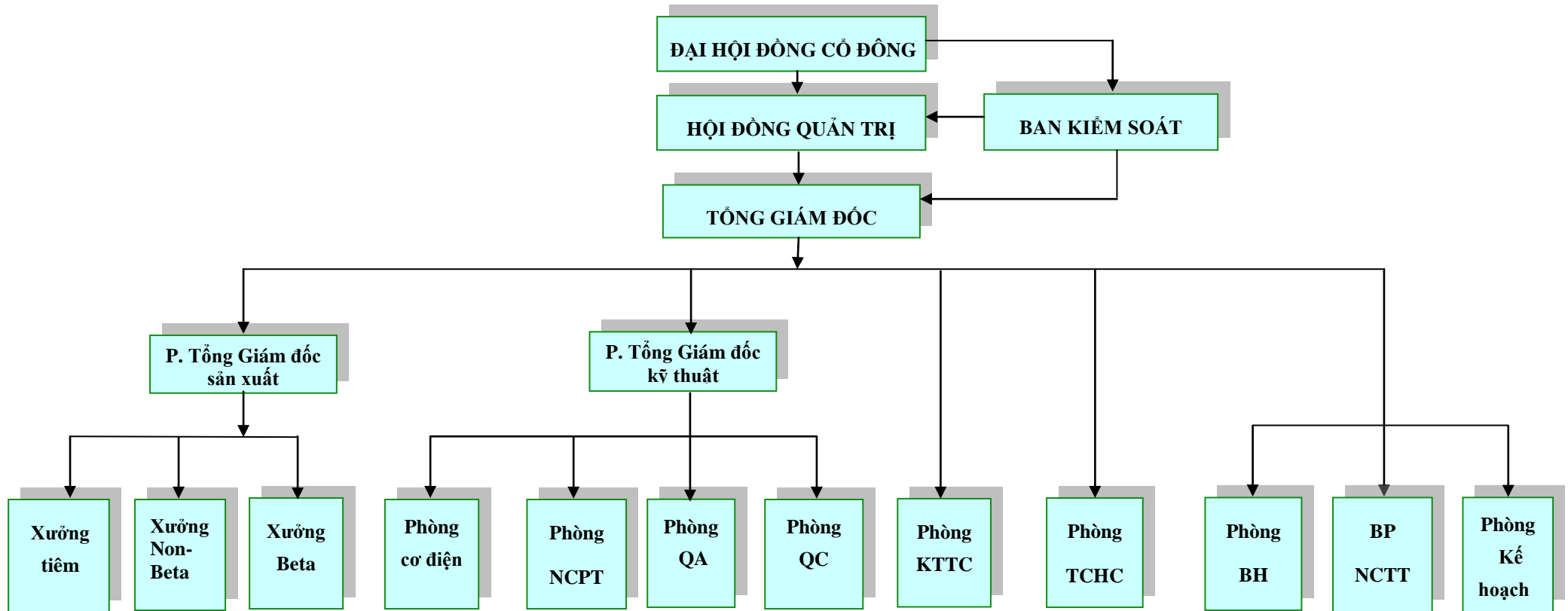
- Hội đồng Quản trị đặt yêu cầu và giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị phê duyệt để Ban Tổng Giám đốc phải tìm mọi biện pháp nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí.
- Đổi mới công tác giám sát, đặc biệt là giám sát chiều sâu theo từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông qua các ủy viên Hội đồng Quản trị phụ trách lĩnh vực được phân công.
- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong hoạt động tài chính.
- Tái cấu trúc bộ máy tổ chức Công ty tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động Công ty cổ phần và xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường.

7.4 Các công tác khác:

- Tăng cường dân chủ thông qua tất cả các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên để xây dựng Cty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp và con người trong xã hội hiện đại.
- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; coi trọng công tác thi đua khen thưởng với ý nghĩa là động lực quan trọng trong quá trình cống hiến và sáng tạo của mỗi con người trong tập thể Công ty.
- Lấy công tác từ thiện xã hội là cầu nối để doanh nghiệp gắn kết, chia sẻ với cộng đồng để cùng phát triển.

III. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TW25



I. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát**1.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2012 – 2017)****a. Chủ tịch HĐQT – ông Lương Tú Thanh**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/10/1959 Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 023935494 Ngày cấp: 06/6/2011 Nơi cấp: TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: 780/14L Sư Vạn Hạnh, P.12, Q.10, TP.HCM
- Địa chỉ liên lạc: 780/14L Sư Vạn Hạnh, P.12, Q.10, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc: 0908036891
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ, Cử nhân Quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác :
 - 07/1982-07/1984 Công tác tại Kho 706 - Cục Quân Y - Tổng Cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng
 - 08/1984-12/1989 Cửa hàng Trường Xí nghiệp DP 150 – Tổng Cục Hậu cần
 - 01/1990-02/1998 Phó Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Xí nghiệp DP 150- Công ty Dược TBYT Quân Đội – Tổng Cục Hậu cần
 - 05/2002-11/2005 Phó Giám đốc Công ty Tin học & Thương mại Hồng Cơ
 - 11/2005 – 04/2012 Trưởng VPĐD Tổng Công ty Dược Việt Nam tại TP.HCM
- Nơi công tác hiện nay: Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25
- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 1.275.000 cổ phần.
- Những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần: Không

b. Thành viên HĐQT – Nguyễn Quý Sơn

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 1959
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- CMND : 010104643, ngày cấp: 30/01/2010, nơi cấp: Hà Nội
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Căn hộ W2801 Tháp Tây, tòa nhà IPH - Số 241 Xuân Thủy, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc : 0903802891
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Dược Sĩ Đại học, Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính Ngân hàng
- Quá trình công tác :
 - 2/2003 – 4/2005 Phó Giám đốc Công ty Dược phẩm TW1
 - 5/2005 – 3/2007 Giám đốc Công ty Dược phẩm TW1
Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam
 - 3/2007 – 5/2007 Giám đốc Công ty Dược phẩm TW1
Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam
 - 5/2007 – 7/2008 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam
 - 7/2008 - nay Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Dược Việt Nam
- Chức vụ hiện nay : TV HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25.
- Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 835.000 cổ phần.
- Những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần: Không

c. Thành viên HĐQT – Nguyễn Thị Cẩm (Miễn nhiệm ngày 07/9/2016)

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 08/12/1974 Nơi sinh: Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 025126794 Ngày cấp: 26/05/2009 Nơi cấp: TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: 36/23 đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
- Địa chỉ liên lạc: 36/23 đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
- Điện thoại liên lạc: 0904168419
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác :
 - 1997 - 2008 Phó phòng tài chính kế toán Phân viện Kiểm nghiệm thuốc TP.HCM
 - 10/2008 – 12/2009 Trưởng phòng KTTC Công ty CPDPTW25
 - 01/2010 - nay Kế toán Trưởng Công ty CPDPTW25

- Nơi công tác hiện nay: Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25
- Chức vụ hiện nay: Kế toán Trưởng Công ty CPDPTW25
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có.
- Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 835.000 cổ phần.
- Những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần: Không

d. Thành viên HĐQT - Ông Phạm Trung Nghĩa

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 1952
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CMND : 023144846, ngày cấp: 03/06/2005, nơi cấp: TP.HCM
- Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 109 Đường 3/2 , Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên lạc : 0903802891
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hoá
- Quá trình công tác : Từ 07/2007 – nay TV HĐQT Công ty CP Dược phẩm TW25.
- Chức vụ hiện nay : TV HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25.
- Số cổ phần nắm giữ : 351.880 cổ phần.
- Những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần: Không

e. Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Đức Thịnh

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư sinh hóa
- Nơi công tác hiện nay : Công ty cổ phần Dược phẩm OPC
- Chức vụ hiện nay : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm OPC
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 3.730.000 cổ phần
- *Quá trình công tác:*
 - + Từ năm 1982 – 1987 : Cán bộ phòng Nghiên cứu Xí nghiệp Dược phẩm TW 26 – OPC
 - + Từ năm 1987 – 1999 : Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Xí nghiệp Dược phẩm TW 26 – OPC
 - + Từ năm 1999 – 2002 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Dược phẩm TW 26 – OPC
 - + Từ năm 2002 – 2006 : Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
 - + Từ năm 2006 – 2009 : Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
 - + Từ năm 2009 – 03/2011 : Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
 - + Từ 4/2011 đến nay : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương.

1.2 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

a. Trưởng Ban Kiểm soát : Ông Nguyễn Quang Trung

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 14/9/1972 Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 022965741 Ngày cấp: 07/7/1999 Nơi cấp: TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: 4A 116 ấp 4, Phạm Văn Hai, H.Bình Chánh, TP.HCM
- Địa chỉ liên lạc: 137/16 Phan Đình Phùng, P.11, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc:
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ tài chính và kinh doanh tiền tệ.
- Quá trình công tác :
 - 1995 - 1996 ▪ Kế toán Trưởng Công ty DSL Co.,Ltd
 - 1996 - 2000 ▪ Phó phòng TCKT Công ty SGE-Jardine Schindler Ltd
 - 2000 – 12/2004 ▪ Giám đốc tài chính Công ty Olam Việt Nam
 - 01/2005 - 5/2006 ▪ Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Tân Định
 - 6/2006- 6/2007 ▪ Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Sacombank
 - 7/2007- 12/2008 ▪ Phó Tổng Giám đốc Vietfund Management
 - 01/2009- 8/2010 ▪ Tổng Giám đốc VietNam Alliance Capital
 - 8/2010 – nay ▪ Tổng Giám đốc Công ty CP chứng khoán Phú Gia
- Nơi công tác hiện nay: Công ty CP chứng khoán Phú Gia
- Chức vụ hiện nay: Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu: 20 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu (nếu có): 0 cổ phần.
- Những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần: Không

b. Thành viên Ban kiểm soát - Bà Huỳnh Thị Vân Trang

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 23/12/1976 Nơi sinh: TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 022766348 Ngày cấp: 10/05/2011 Nơi cấp: TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: 25/13 Bà Lê Chân, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- Địa chỉ liên lạc: 25/13 Bà Lê Chân, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc: 0908345634
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ngành kế toán kiểm toán.
- Quá trình công tác:
 - 1999 - 2010 Nhân viên phòng Kế toán Công ty CPDPTW25

- 6/2010- 09/2010 Phó phòng TCHC Công ty CPDPTW25
- 01/10/2010 - nay Phó phòng Kinh doanh Công ty CPDPTW25
- Nơi công tác hiện nay: Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25
- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc bán hàng.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu: 500 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu (nếu có): 0 cổ phần.
- Những người có liên quan : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần: Không

c. Thành viên Ban kiểm soát – Bà Lê Thục Linh

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 01/11/1977 Nơi sinh: TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 023592265 Ngày cấp: 21/08/2012 Nơi cấp: TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: 18/4 đường Trần Quý Khoách, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- Địa chỉ liên lạc: 18/4 đường Trần Quý Khoách, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc: 0906574450
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ đại học
- Quá trình công tác :
 - 2001 - 2007 Tổ trưởng Pha chế XNDPTW25
 - 2007 - 2010 Phó Quản Đốc Xưởng Non-Beta lactam Công ty CPDPTW25
 - 2010 - 2012 Quản Đốc Xưởng Non-Beta lactam Công ty CPDPTW25
 - 2012 đến nay Phó phòng Đảm bảo chất lượng Công ty CPDPTW25

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có
- Số cổ phần sở hữu: 10 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu (nếu có): 0 cổ phần.
- Nơi công tác hiện nay: Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25
- Chức vụ hiện nay: Quản đốc xưởng Nonbetalactam.
- Những người có liên quan : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/10/1970 Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 011469990 Ngày cấp: 05/11/2009 Nơi cấp: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 01 ngách 128/2 Hoàng Văn Thái, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội
- Địa chỉ liên lạc: 1906 – CT1-103 Usilk city, KĐT Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0986066909
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác :
 - Từ 2008 – 2010 Phó phòng tư vấn TCDN – Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
 - Từ 2010 – 2011 Phó phòng tư vấn TCDN – Công ty CP chứng khoán Phố Wall
 - Từ 7/2011 – 11/2011 Trưởng phòng tư vấn TCDN Công ty CP chứng khoán Phương Nam
 - Từ 11/2011 – 2015 Kế toán Trưởng Công ty CP Quốc tế Nam Thành
 - 6/2015 – 02/2017 Chuyên viên Phòng KTTC, Chuyên viên Phòng KHĐT – Tổng Công ty Dược Việt Nam
 - 3/2017 0- nay Trưởng Ban kiểm soát – Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP.
- Nơi công tác hiện nay: Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
- Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu (nếu có): 0 cổ phần.

1.3 Danh sách thành viên Ban Giám đốc

a. Tổng Giám đốc - Ông Lương Tú Thanh (Miễn nhiệm ngày 04/10/2016)

- Lý lịch trình bày tại phần a của Hội đồng quản trị.

b. Tổng Giám đốc – Ông Bùi Chí Kính (Bổ nhiệm ngày 04/10/2016)

- Ngày sinh : 19/05/1956
- Nơi sinh : Phú Thọ
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại học
- Địa chỉ thường trú : 244 Vườn Lài, P.Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú, TP.HCM
- Điện thoại : 0903751458
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- *Quá trình công tác:*
 - + Từ 9/1978 - 9/1979 : Đào tạo nâng cao về công nghệ kháng sinh tại ĐH Dược Hà Nội
 - + Từ 9/1979 - 3/1989 : Tổ trưởng sản xuất (1980-1985), Phó quản đốc phân xưởng (1986 – 1989) - Xí nghiệp DP TW 24
 - + Từ 3/1989 - 9/1989 : Thực tập sinh về sản xuất kháng sinh - Nhà máy kháng sinh Belarus
 - + Từ 10/1989 - 7/1996 : Quản đốc phân xưởng - Xí nghiệp DP TW 24
 - + Từ 8/1996 – 5/2000 : Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Giám đốc (8/1996-8/1998), Giám đốc (8/1998-5/2000) - Công ty LD Woopyung-Mekophar.
 - + Từ 6/2000- 8/2004 : Thành viên Hội đồng Quản trị, Quản đốc phân xưởng - Công ty CP Hóa-Dược phẩm Mekophar.
 - + Từ 9/2004 – 8/2006 : Trưởng phòng kinh doanh, Phó Giám đốc - Xí nghiệp DP & Sinh học y tế (Mebiphar).
 - + Từ 9/2006 – 9/2016 : Thành viên Hội đồng Thành viên, Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc (Theo nhiệm kỳ của Hợp đồng Liên doanh) - Công ty Liên Doanh Dược Phẩm Mebiphar-Austrapharm.
 - + Từ 04/10/2016 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25.

b. Phó Tổng Giám đốc sản xuất - Bà Hồ Kim Bửu

- Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : 21/12/1977
- Nơi sinh : Bến Tre
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CMND : 025129616, ngày cấp: 14/05/2009, nơi cấp: TP.HCM
- Quê quán : Xã Phú Phụng, Huyện Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre
- Địa chỉ : 160/99/2 KP 4, Phường Tân Chánh Hiệp, Q.12 TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0945472252
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ đại học
- Chức vụ hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty CPDPTW25.
- Số cổ phần nắm giữ : 450 Cổ phần.
- Những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần: Không

c. Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật - Bà Nguyễn Thị Hồng Nga

- Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : 19/11/1981
- Nơi sinh : Gò Công, Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CMND : 025262132, ngày cấp: 29/01/2010, nơi cấp: TP.HCM
- Quê quán : Gò Công, Tiền Giang
- Địa chỉ : 102 lô G chung cư Lê Thị Riêng, P.15, Q. 10, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0918.363.727
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ đại học
- Quá trình công tác:
 - Từ 2005 – 05/2010 : Phòng Nghiên cứu Phát triển – Công ty Roussel VN.
 - Từ 05/2010 – 11/2010 : Phó phòng NCPT Công ty CPDPTW25
 - Từ 11/2010 – 08/2015 : Trưởng phòng NCPT Công ty CPDPTW25
 - Từ 09/2015 – nay : Quyền Phó Tổng GD kiêm Trưởng phòng NCPT

- Chức vụ hiện nay : Quyền Phó Tổng GD kiêm Trưởng phòng NCPT
- Số cổ phần nắm giữ : 633 cổ phần.
- Những người có liên quan : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần: Không

d. Kế toán Trưởng – Ông Phạm Hữu Nghĩa

- Ngày tháng năm sinh : 28/03/1971
- Nơi sinh : TPHCM
- CMND : 022104168
- Quốc tịch : VIỆT NAM
- Địa chỉ thường trú : 134/71 LÝ CHÍNH THẮNG P.7 Q.3 TP.HCM
- Số điện thoại : 0919977696
- Trình độ chuyên môn : CỬ NHÂN KINH TẾ
- Nơi công tác hiện nay : Công ty cổ phần Dược phẩm TW25
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

▪ *Quá trình công tác:*

- + Từ 10/1996 đến 6/1999. Phụ trách kế toán Đoàn NTSK Trẻ - sau chuyển thành Nhà hát kịch TPHCM – thuộc sở VH TT TPHCM
- + Từ 7/1999 đến 9/2001 Kế toán viên Trung tâm Văn Hóa TPHCM – thuộc sở VH TT TPHCM
- + Từ 10/2001 đến 3/2005 Phụ trách kế toán Bảo tàng Mỹ Thuật TPHCM – thuộc sở VH TT TPHCM
- + Từ 4/2005 đến 4/2006 Phó trưởng phòng HCQT Bảo tàng Mỹ Thuật TPHCM – thuộc sở VH TT TPHCM
- + Từ 5/2006 đến 11/2009 Kế toán tổng hợp Sở Xây Dựng TPHCM
- + Từ 1/2010 đến 4/2011 Kế toán Công ty CP Dược Phẩm TW25
- + Từ 5/2011 đến 1/2016 Phó phòng Kế toán Tài Chính – Công ty CP Dược Phẩm TW25
- + Từ 2/2016 đến nay Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Tài Chính – Công ty CP Dược Phẩm TW25

2. Quyền lợi của Ban Giám đốc

Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc cũng được tính theo định mức lương mà Công ty đã xây dựng. Cụ thể:

- Tổng Giám đốc: 40 triệu đồng/tháng
- Phó Tổng Giám đốc: từ 22 triệu đồng/tháng.
- Kế toán Trưởng: 22 triệu đồng/tháng.

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a. Tổng số lao động :

Tình hình lao động Công ty đến thời điểm 31/12/2016 là 179 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo lao động tăng/giảm trong kỳ		
- Lao động đầu kỳ	219	
- Lao động tăng trong kỳ	11	
- Lao động giảm trong kỳ	51	
- Lao động cuối kỳ	179	
Trong đó lao động nữ	106	
II. Phân loại theo chất lượng lao động	179	100%
- Thạc sĩ	2	1.1%
+ Thạc sĩ Dược	1	
+ Thạc sĩ khác	1	
- Đại học	44	24.6%
+ Đại học Dược	14	
+ Đại học khác	30	
- Cao Đẳng	8	4.5%
- Trung học	51	28.5%
+ Trung học Dược	40	
+ Trung học khác	11	
- Công nhân kỹ thuật dược	63	35.2%
- Lao động không qua đào tạo	11	6.1%
III. Phân theo cơ cấu lao động	179	
- Lao động quản lý	26	14.5%
- Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh	111	62.0%
- Lao động phục vụ	42	23.5%
IV. Phạm loại theo HĐLĐ	179	
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	113	
- Hợp đồng lao động ngắn hạn từ 12-36 tháng	66	
- Hợp đồng lao động dưới 12 tháng	0	

b. Chính sách đối với người lao động:

➤ Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, thời gian làm việc của các xưởng trực tiếp sản xuất dược chia thành 3 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.
- Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định do Bảo hiểm xã hội chi trả.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

➤ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

- Tuyển dụng: Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo rõ ràng. Công ty tuyển dụng thông qua các nguồn lao động từ các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp trên địa bàn TP.HCM. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.
- Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống hiến chất xám, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.
- Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tiêu chuẩn G.M.P. Công ty cũng tổ chức đào tạo nghề nghiệp và các kỹ năng cho người lao động thông qua các hình thức đào tạo kèm cặp, truyền đạt kinh nghiệm trong quá trình làm việc, gửi đào tạo bên ngoài. Đối với nhân viên mới tuyển dụng, Công ty sẽ tiến hành đào tạo nghiệp vụ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động sớm thích nghi và nắm bắt được công việc mới. Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo thích hợp, dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện,...

➤ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, hệ số lương được xác lập dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, đóng góp cho Công ty, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc,... Ngoài ra, Công ty còn có chế độ lương thưởng vào cuối năm, tùy

- thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm mà số lương thưởng sẽ tăng giảm tương ứng.
- **Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.
 - **Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên:** Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe. Ngoài ra, hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát vào các dịp lễ.
 - **Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên:** Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty đã thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ công nhân viên của Công ty mua cổ phần với giá ưu đãi khi Công ty chuyển sang Công ty cổ phần.

4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:

4.1 Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị:

- Ngày 06/2016, Bà Nguyễn Thị Cẩm – Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đã có Đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 kể từ ngày 06/9/2016. Ngày 07/2016, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 đã họp và nhất trí thông qua việc chấp thuận Đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của Bà Nguyễn Thị Cẩm.
- Ngày 30/9/2016, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 đã họp và nhất trí thông qua việc bầu bổ sung Ông Nguyễn Chí Linh giữ chức danh thành viên Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017.

4.2 Thay đổi thành viên Ban Giám đốc, Kế toán Trưởng:

- Ngày 22/03/2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã nhất trí thông qua việc Miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Cẩm – Thôi giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 01/3/2016. Đồng thời nhất trí bổ nhiệm Ông Phạm Hữu Nghĩa – Giữ chức danh Kế toán Trưởng Công ty kể từ ngày 01/3/2016.
- Ngày 31/8/2016, Bà Nguyễn Thị Cẩm – Quyền phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty đã có Đơn xin nghỉ việc tại Công ty. Ngày 07/9/2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp và nhất trí thông qua việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với Bà Nguyễn Thị Cẩm.
- Ngày 30/9/2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã nhất trí thông qua việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty đối với Ông Lương Tú Thanh kể từ ngày 04/10/2016. Đồng thời HĐQT bổ nhiệm Ông Bùi Chí Kính giữ chức danh Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 04/10/2016.

IV. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:**A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		145,347,698,578	134,360,856,386
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	60,319,742,615	51,420,327,190
1.	Tiền	111		8,308,275,948	51,420,327,190
2.	Các khoản tương đương tiền	112		52,0 1,466,667	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	17,000,000,000	-
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17,000,000,000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35,598,178,116	37,108,081,842
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	41,940,475,016	42,030,113,497
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	1,420,451,445	884,193,638
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	4,819,442,621	3,724,339,513
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3.	(12, 82,190 966)	(9,530,564,806)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.7.	31,842,510,641	44,928,238,141
1.	Hàng tồn kho	141		31,873,700,033	46,575,704,056
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(31,189,392)	(1,647,465,915)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	15		587,267,206	904,209,213
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	539,774,250	372, 10,868
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	444,435,072
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	47,492,956	87,663,273
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46 217,998,295	48,316,642,117
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		208,563,600	205,360,000
1.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	208,563,600	205,360, 00
II.	Tài sản cố định	220		42,298,161,075	44,220,742,844
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	42 228,244,411	44,220,742,844
	- Nguyên giá	222		109,727,889,781	106 747,576,418
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67,499,645,370)	(62,526,833,574)
2.	TSCĐ vô hình	227	V.9.	69,916,664	-
	- Nguyên giá	228		334,130,000	250,230,000
	- Giá trị hao mòn l ỹ kế	229		(264,213,336)	(250,230,000)

III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3,636,096,600	3,636,096,600
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.	3,636,096,600	3,636,096,600
VI. Tài sản dài hạn khác	260		75,177,020	254,442,673
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	75,177,020	254,442,673
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		191,565,696,873	182,677,498,503

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	172,681,089,383	161,733,813,346
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	6,812,546,803	10,935,127,92
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		165,868,542,580	150,798,685,354
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	137,673,049,490	124,589,899,646
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		28,195,493,090	26,208,785,08
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	2,343,229,912	7,335,038,861
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	2,001,948,857	6,083,147,392
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,486,959,887	2,752,225,109
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	7,362,481,438	8,176,174,092
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	17,233,333,905	17,535,350,540
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3,941,021,802	1,749,152,545
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	111,262,209	1,642,291,502
12. Chi phí khác	32	VI.7.	235,117,945	112,961,899
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(123,691,736)	1,351,329,603
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3,817,330,066	3,100,421,148
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10.	536,753,722	592,894,163
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3,280,576,344	2,507,587,985
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	351.09	258.47

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3,817,330,066	3 100,482,148
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4,865,771,822	5,3 6,223,777
- Các khoản dự phòng	03		1,435,349,637	5,452,326,258
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(188,843)	633,986
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,271,341,065)	(7,293,133,846)
- Chi phí lãi vay	06		1,486,959,88	2,752,225,109
- Các khoản điều chỉnh khác.	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn LD	08		9,333,881,504	9,358,757,432
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1,476,206,962)	(7,786,587,793)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14,702,004,023	4,404,345,467
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(24,495,730,265)	31,363,876,410
- Tăng, giảm chi phí trả trước	1		11,602,271	502,012,0 6
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,486,959,887)	(2,752,225,109)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(496,583,405)	(477,448,235)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2,283,136
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1,244,947,245)	(808,221,163)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5,152,939,966	33,806,792,231
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3,587,391,989)	(419,772,297)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		16,830,000	143,500,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17 000,000,000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26			
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		,630,227,065	323,053,838
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17,940,334,924)	46,781,541

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	66,000,000,000	26,760,000,000
	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
2.	Tiền thu từ đi vay	33	80,868,601,437	112,737,384,422
3.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(112,683,859,365)	(122,563,017, 13)
	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2,192,240,600)	(4,414,162,060)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	31,992,501,472	12,520,2 4,749
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	8,899,226,582	46,373,778,521
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	51,420,327,190	5,046,548,669
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	188,843	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1. 60,319,742,615	51,420,327,190

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (Uphace) (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 5112/QĐ9-BYT ngày 11/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Dược phẩm TW 25 thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300468511 đăng ký lần đầu ngày 19/06/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 09 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 132.946.410.000 VND (Một trăm ba mươi hai tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán UPH.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh dược phẩm, sản xuất và mua bán mỹ phẩm.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không sản xuất tại trụ sở).
- Mua bán nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở).
- Sản xuất và mua bán bao bì bằng giấy, nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở).
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế (không sản xuất tại trụ sở).
- Mua bán máy móc, thiết bị y tế.
- Sản xuất và mua bán hóa mỹ phẩm (không sản xuất tại trụ sở).
- Kinh doanh bất động sản....

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

- Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản:

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả:

Công ty đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng

trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 45
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm quản lý và website Công ty.

Việc ghi nhận tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Phần mềm máy vi tính	04
TSCĐ vô hình khác	03

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất; chi phí sửa chữa, cải tạo, lắp đặt.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa, cải tạo, lắp đặt được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tó thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tó sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 32/NQ-TW25 ngày 04 tháng 04 năm 2016.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán thành phẩm, doanh thu dịch vụ cho thuê.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ bán phế liệu, doanh thu cho thuê xe và thu nhập khác.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá, chi phí tài chính khác.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

14.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 5% đối với các mặt hàng thuế, 10% đối với hoạt động dịch vụ cho thuê.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	233,021,902	4,459,927,216
VND	233,021,902	4,459,927,216
Tiền gửi ngân hàng	8,075,254,046	46,960,399,974
VND	8,054,632,230	46,941,067,188
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 7</i>	<i>668,853,662</i>	<i>838,123,274</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Sài Gòn</i>	<i>6,257,045,521</i>	<i>28,884,412,295</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 4</i>	<i>15,902,005</i>	<i>186,136,905</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín</i>	<i>-</i>	<i>17,736,459</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam</i>	<i>-</i>	<i>1,614,029</i>
<i>Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Quận 4</i>	<i>111,831,042</i>	<i>17,013,044,226</i>
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đông Sài Gòn</i>	<i>1,001,000,000</i>	<i>-</i>
USD	20,621,816	19,332,786
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7</i>	<i>5,394,409</i>	<i>5,351,672</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn</i>	<i>15,227,407</i>	<i>13,981,114</i>
Các khoản tương đương tiền	52,011,466,667	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành</i>	<i>16,511,466,667</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7</i>	<i>500,000,000</i>	<i>-</i>

Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Quận 4	5,000,000,000	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đông Sài Gòn	30,000,000,000	-
Cộng	60,319,742,615	51,420,327,190

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<i>Ngắn hạn</i>	<i>17,000,000,000</i>	<i>17,000,000,000</i>	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	17,000,000,000	17,000,000,000	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Quận 4 (*)	17,000,000,000	17,000,000,000	-	-

(*) Đây là khoản tiền nhận được từ Hợp đồng số 62/2015-HĐ ngày 09 tháng 11 năm 2015 về việc chuyển nhượng hoặc xây dựng công trình trên quyền sử dụng đất số 120 Hai Bà Trưng với Công ty CP Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh và Công ty CP Hoàn Lộc Việt. Khoản tiền này hiện trong tình trạng phong tỏa theo điều khoản trong hợp đồng, Công ty CP Dược phẩm TW 25 được quyền sử dụng số tiền này sau 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Riêng tiền lãi phát sinh từ khoản tiền gửi có kỳ hạn, Công ty vẫn được sử dụng.

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	VND Giá trị hợp lý	Giá gốc	VND Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH XD và KD nhà Kim Long	3,636,096,600	(*)	3,636,096,600	3,636,096,600
Cộng	3,636,096,600		3,636,096,600	3,636,096,600

Đây là giá trị tài sản Công ty đem đi hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Long theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 24/HD/XN25 ngày 24/02/2005.

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	41,940,475,016	(12,582,190,966)	42,030,113,497	(9,530,564,806)
Cửa hàng Quận 10	1,628,198,614	-	8,114,568,288	-
Công ty TNHH Dược phẩm Phan Rang	401,397,707	-	766,231,298	-
Công ty CP Dược phẩm OPC	19,302,711,195	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	12,825,176,072	(10,583,237,912)	13,495,967,072	(7,819,367,946)
Công ty CP Thương mại và Dược phẩm Hoàng Lan	485,399,329	(252,265,210)	699,289,614	(349,644,807)
Công ty CP Thương mại Dược phẩm Thành Đạt	353,555,854	(176,777,927)	353,555,854	(176,777,927)
Công ty TNHH Dược phẩm HPC Pharma	561,740,579	(109,040,945)	835,325,271	-
Công ty CP Dược Thiên Lộc	690,752,752	(203,143,439)	942,266,725	-
Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Vĩnh Khang	845,120,152	-	635,196,320	-
CN Công ty CP Dược phẩm TW 25 tại Hà Nội	2,537,113,971	(1,059,201,145)	5,414,247,265	(1,059,201,145)
Các đối tượng khác	2,309,308,791	(198,524,388)	10,773,465,790	(125,572,981)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan:

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2016	01/01/2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1,420,451,445	884,193,638
Cơ khí Chí Trung	538,050,000	-
Công ty Cổ phần S.A.E	592,262,400	592,262,400
Chi nhánh Công ty CP Cơ khí Chính xác Kỳ Bắc	107,250,000	107,250,000
Các đối tượng khác	182,889,045	184,681,238

5. Phải thu khác

		31/12/2016		01/01/2016	
		VND		VND	
		<u>Giá trị</u>	<u>Dư phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dư phòng</u>
a)	Ngắn hạn	4,819,442,621	-	3,724,339,513	-
	- Tạm ứng	289,497,989	-	119,148,300	-
	<i>Đặng Hoài Nam</i>	<i>100,000,000</i>	-	<i>10,000,000</i>	-
	<i>Nguyễn Ngọc Hoài</i>	<i>103,478,926</i>	-	<i>3,500,000</i>	-
	<i>Các đối tượng khác</i>	<i>86,019,063</i>	-	<i>105,648,300</i>	-
	- Phải thu khác	4,529,944,632	-	3,605,191,213	-
	<i>CN Công ty CP Dược phẩm TW 25 tại Hà Nội</i>	<i>79,624,859</i>	-	<i>79,624,859</i>	-
	<i>Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long</i>	<i>4,421,902,263</i>	-	<i>3,409,245,723</i>	-
	<i>Các đối tượng khác</i>	<i>28,417,510</i>	-	<i>116,320,631</i>	-
b)	Dài hạn	208,563,600	-	205,360,000	-
	- Ký cược, ký quỹ	208,563,600	-	205,360,000	-
	<i>CN Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn - XN Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn Bình Dương</i>	<i>100,000,000</i>	-	<i>100,000,000</i>	-

<i>Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà TPHCM</i>	<i>90,000,000</i>	-	<i>90,000,000</i>	-
<i>Công ty CP Điện tử Giảng Võ</i>	<i>15,000,000</i>	-	<i>15,000,000</i>	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>3,563,600</i>	-	<i>360,000</i>	-
Cộng	5,028,006,221	-	3,929,699,513	-

6. Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
		VND		VND
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi, chưa trích lập dự phòng				
<i>Phải thu khác</i>	4,421,902,263		3,409,245,723	
<i>Công ty TNHH XD và KD Nhà Kim Long</i>	4,421,902,263	(*)	3,409,245,723	
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng				
<i>Phải thu khách hàng</i>	16,108,234,813		14,143,164,266	
<i>Công ty TNHH XD và KD Nhà Kim Long</i>	12,825,176,072	(*)	11,905,544,672	
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Liên Phát</i>	52,693,116	(*)	52,693,116	
<i>Công ty TNHH MTV Dược phẩm Thu Dung</i>	41,354,624	(*)	41,354,624	
<i>Công ty CP TM và DP Hoàng Lan</i>	485,399,329	(*)	699,289,614	
<i>Công ty CP TM Dược phẩm Thành Đạt</i>	353,555,853	(*)	353,555,853	
<i>Công ty TNHH Dược phẩm HPC Pharma</i>	363,469,818	(*)	-	
<i>Công ty CP Dược Thiên Lộc</i>	677,144,797	(*)	-	
<i>CN Công ty CP DP TM Đà Lâm</i>	154,681,714	(*)	-	

Bùi Anh Huy	36,684,812	(*)	-
Nhà thuốc Minh Nghĩa	27,348,291	(*)	-
Nguyễn Hòa	31,525,242	(*)	31,525,242
CN Công ty CP Dược phẩm TW 25 tại Hà Nội	1,059,201,145	(*)	1,059,201,145
Cộng	20,530,137,076		17,552,409,989
		-	

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ phải thu này.

7. Hàng tồn kho	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13,498,937,195	(31,189,392)	22,397,484,954	(686,032,323)
Công cụ, dụng cụ	52,053,001	-	70,369,456	-
Chi phí SXKD dở dang	4,686,587,601	-	4,064,506,625	-
Thành phẩm	13,636,122,236	-	20,043,343,021	(961,433,592)
Cộng	31,873,700,033	(31,189,392)	46,575,704,056	(1,647,465,915)

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.616.276.523 VND. Công ty đã thanh xử lý nguyên vật liệu, bao bì mất phẩm chất và thành phẩm bị thu hồi giấy phép đăng ký lưu hành thuốc.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Sheet riêng

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Đơn vị tính: VND		Cộng
	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	
Số dư ngày 01/01/2016	250,230,000	-	250,230,000
Mua trong năm	-	83,900,000	83,900,000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	250,230,000	83,900,000	334,130,000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2016	250,230,000	-	250,230,000
Khấu hao trong năm	-	13,983,336	13,983,336

Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	250,230,000	13,983,336	264,213,336
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	69,916,664	69,916,664

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 250.230.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 250.230.000 VND)

10. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	539,774,250	372,110,868
Chi phí công cụ, dụng cụ	407,757,996	187,363,219
Chi phí bảo trì, gia hạn bản quyền phần mềm	-	50,000,000
Chi phí sửa chữa, cải tạo, lắp đặt	-	59,603,332
Chi phí khác	132,016,254	75,144,317
Dài hạn	75,177,020	254,442,673
Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất	43,111,112	29,284,635
Chi phí sửa chữa, cải tạo, lắp đặt	32,065,908	225,158,038
Cộng	614,951,270	626,553,541

11. Vay và nợ thuê tài chính Sheet riêng

12. Phải trả người bán

		31/12/2016		01/01/2016	
		VND		VND	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>
		<u>trả nợ</u>		<u>trả nợ</u>	
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	6,401,518,500	6,401,518,500	11,949,550,176	11,949,550,176	
Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	672,257,200	672,257,200	451,771,000	451,771,000	
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	653,345,718	653,345,718	392,134,948	392,134,948	
Công ty TNHH SX TM & In BB Tân Hải Thành	466,214,760	466,214,760	252,542,730	252,542,730	
Sinobright	1,507,936,900	1,507,936,900	-	-	
Pharmaceutical Co.,ltd.	879,806,673	879,806,673	559,192,149	559,192,149	
Công ty TNHH Dược	879,806,673	879,806,673	559,192,149	559,192,149	

phẩm Khang Thịnh				
Công ty CP Dược phẩm Trung Ương CPC1- CN TP.HCM	-	-	3,687,138,000	3,687,138,000
Nectar Lifesciences Ltd.	-	-	3,800,244,000	3,800,244,000
Các đối tượng khác	2,221,957,249	2,221,957,249	2,806,527,349	2,806,527,349
Cộng	6,401,518,500	6,401,518,500	11,949,550,176	11,949,550,176

- b) **Phải trả người bán là các bên liên quan:**
Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	437,521,728	-
Công ty TNHH Dược phẩm Hiền Mai	300,000,000	-
Công ty CP Gon Sa	137,521,728	-

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
				Đơn vị tính: VND
Phải nộp				
Thuế GTGT phải nộp	-	111,407,660	-	111,407,660
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3,648,920,967	3,648,920,967	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	81,157,786	81,157,786	-
Thuế TNCN	57,687,454	172,968,945	182,227,565	48,428,834
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4,278,580,036	4,278,580,036	-
Các loại thuế khác (thuế môn bài)	-	5,000,000	5,000,000	-
Cộng	57,687,454	8,298,035,394	8,195,886,354	159,836,494

b) **Phải thu**

Thuế TNDN	87,663,273	1,018,403,112	978,232,795	47,492,956
Cộng	87,663,273	1,018,403,112	978,232,795	47,492,956

Các khoản thuế phải thu/phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải thu/phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với

cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	501,471,311	821,802,256
Trích trước tiền hoa hồng bán hàng	400,243,985	821,802,256
Chi phí kiểm toán năm 2015	55,000,000	-
Trích trước chi phí hàng khuyến mãi	24,441,326	-
Chi phí phải trả khác	21,786,000	-
Cộng	501,471,311	821,802,256

16. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	21,486,103	22,770,494
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	374,555,829	910,070,969
<i>Tổng công ty Dược Việt Nam</i>	-	532,602,740
<i>Cổ đông Công ty CP Dược phẩm TW 25</i>	374,555,829	377,468,229
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17,518,090,170	37,518,561,315
<i>Tổng Công ty Dược Việt Nam</i>	-	20,000,000,000
<i>Công ty CP Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh</i>	17,000,000,000	17,000,000,000
<i>Công ty CP Tập đoàn Truyền thông Đa phương tiện Đất Việt (VAC)</i>	245,755,000	245,755,000
<i>Cán bộ - công nhân viên Công ty CP Dược phẩm TW 25</i>	150,552,175	172,195,091
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	121,782,995	100,611,224
Cộng	17,914,132,102	38,451,402,778

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu
Sheet riêng

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	37,800,000,000	37,800,000,000
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	77,300,000,000	22,300,000,000
Vốn góp của các đối tượng khác	17,846,410,000	17,846,410,000
Cộng	132,946,410,000	77,946,410,000

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	132,946,410,000	77,946,410,000
+ Vốn góp đầu năm	77,946,410,000	55,646,410,000
+ Vốn góp tăng trong năm	55,000,000,000	22,300,000,000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	132,946,410,000	77,946,410,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(1,656,725,460)	4,451,712,800

Trong năm 2016, Công ty đã phát hành thêm 5.500.000 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 32/NQ-TW25 ngày 04/04/2016. Số cổ phiếu phát hành đã bán toàn bộ cho đối tác chiến lược - Công ty CP Dược phẩm OPC với giá trị 12.000 VND/cổ phiếu theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu phát hành thêm số 180/HĐ-2016/TW25-OPC ngày 29/08/2016.

17.4 Cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13,294,641	7,794,641
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13,294,641	7,794,641
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13,294,641</i>	<i>7,794,641</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13,294,641	7,794,641
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13,294,641</i>	<i>7,794,641</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

17.5 Quá trình sử dụng vốn của đợt phát hành chứng khoán ra công chúng năm 2016**TÓM TẮT KẾT QUẢ PHÁT HÀNH**

Tên cổ phiếu phát hành:	Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Trung Ương 25
Loại cổ phiếu phát hành:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/ cổ phiếu
Vốn chủ sở hữu trước phát hành	77.946.410.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát	5.500.000 cổ phiếu

hành

Được chấp thuận theo Công văn số 5650/UBCK-QLCB ngày 23/08/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hình thức phát hành:

Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược - Công ty CP Dược phẩm OPC

Giá phát hành:

12.000 đồng/ cổ phiếu

Ngày chốt danh sách phát hành:

29/08/2016

Ngày kết thúc bàn giao cổ phiếu:

05/09/2016

Vốn chủ sau đợt phát hành:

Vốn điều lệ: 132.946.410.000 đồng

KẾT QUẢ PHÁT HÀNH

1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 5.500.000 cổ phiếu, chiếm 100% số cổ phiếu được phép phát hành.

2. Tổng số tiền thu được từ việc phát hành: 66.000.000.000 đồng.

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG TIỀN PHÁT HÀNH VỐN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 32/NQ-TW25 ngày 04/04/2016 số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng như sau:

Mua đất thực hiện kế hoạch di dời nhà máy 20.000.000.000 đồng

Đầu tư mua máy móc, thiết bị 15.000.000.000 đồng

Phát triển hệ thống phân phối và bổ sung vào vốn lưu động 31.000.000.000 đồng

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Mua đất thực hiện kế hoạch di dời nhà máy chưa thực hiện

Đầu tư mua máy móc, thiết bị 1.976.300.000 đồng

Gửi kỳ hạn tại ngân hàng 38.023.700.000 đồng

Trả nợ vay ngân hàng 26.000.000.000 đồng

Tiền độ giải ngân Từ tháng 9/2016 đến tháng 12/2016: 27.976.300.000 đồng

17.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính:
				VND
				31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	5,112,213,855	-	-	5,112,213,855
Quỹ dự phòng tài chính	2,932,043,595	125,379,400	-	3,057,422,995
Cộng	8,044,257,450	125,379,400	-	8,169,636,850

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán*Ngoại tệ các loại:*

	31/12/2016	01/01/2016
USD (tiền gửi ngân hàng)	907.64	857.71

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	168,939,064,760	155,714,197,460
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,742,024,623	6,019,615,886
Cộng	172,681,089,383	161,733,813,346
b) Doanh thu đối với các bên liên quan:		
Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chiết khấu thương mại	4,918,493,138	6,161,457,824
Hàng bán bị trả lại	1,894,053,665	4,773,670,168
Cộng	6,812,546,803	10,935,127,992
3. Giá vốn hàng bán		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3,035,776,165	71,954,801
Giá vốn của thành phẩm đã bán	134,646,188,420	123,136,035,408
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8,915,095)	1,381,909,437
Cộng	137,673,049,490	124,589,899,646
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	1,506,413,065	30,605,838
Cổ tức, lợi nhuận được chia	764,928,000	7,262,528,008
Lãi chênh lệch tỷ giá	71,951,847	41,905,015
Cộng	2,343,292,912	7,335,038,861
5. Chi phí tài chính		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	1,486,959,887	2,752,225,109
Lỗ chênh lệch tỷ giá	56,233,500	404,629,799
Chi phí tài chính khác	458,755,470	2,926,292,484
Cộng	2,001,948,857	6,083,147,392
6. Thu nhập khác		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND

Thanh lý phế liệu	22,118,182	-
Các khoản khác	89,308,027	1,464,291,502
Cộng	111,426,209	1,464,291,502

7. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt hành chính	120,223,806	90,000,000
Các khoản khác	114,894,139	22,961,899
Cộng	235,117,945	112,961,899

8. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	17,233,333,905	17,535,350,540
Chi phí nhân viên quản lý	5,312,077,431	4,368,967,858
Chi phí vật liệu quản lý	1,048,359	2,854,408
Chi phí đồ dùng văn phòng	45,437,205	31,568,488
Chi phí khấu hao TSCĐ	848,067,623	1,191,073,762
Thuế, phí và lệ phí	2,822,650,768	1,816,835,168
Chi phí dự phòng	3,051,626,160	4,376,855,284
Chi phí bằng tiền khác	5,152,426,359	5,747,195,572
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	7,362,481,438	8,176,174,092
Chi phí nhân viên	1,634,277,366	1,577,042,093
Chi phí vật liệu, bao bì	5,607,000	6,848,900
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	5,016,658
Chi phí bằng tiền khác	5,722,597,072	6,587,266,441
Cộng	24,595,815,343	25,711,524,632

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108,082,358,215	98,285,786,138
Chi phí nhân công	17,673,712,255	15,770,368,385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,865,771,822	5,346,223,777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí bằng tiền khác	23,465,094,021	25,471,249,290
Cộng	154,086,936,313	144,873,627,590

10. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu, thu nhập	168,323,261,701	159,598,015,717
Chi phí	164,505,931,635	156,497,533,569
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	3,817,330,066	3,100,482,148
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp (2)	175,163,806	796,022,060
Thu nhập không chịu thuế TNDN (3)	1,308,725,260	1,201,530,740
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (4 = 1 + 2 - 3)	2,683,768,612	2,694,973,468
Thu nhập được miễn thuế (5)	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định (6)	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp (7 = 4 - 5 - 6)	2,683,768,612	2,694,973,468
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	536,753,722	592,894,163
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	536,753,722	592,894,163

11. Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,280,576,344	2,507,587,985
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(543,986,103)	(532,602,740)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	543,986,103	532,602,740
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2,736,590,241	1,974,985,245
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	536,677,645
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7,794,641	5,564,641
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	351.09	258.47

(*): chưa có căn cứ để ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2016. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 điều chỉnh lại do số đã báo cáo chưa loại trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Năm 2016 mới có quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015).

12. Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (cụ thể là sản xuất dược phẩm). Các thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là liên quan đến hoạt động sản xuất chính của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

13. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	-	31,815,257,928
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	60,319,742,615	51,420,327,190
Nợ thuần	(60,319,742,615)	(19,605,069,262)
Vốn chủ sở hữu	161,164,082,225	94,558,558,376
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	(0.37)	(0.21)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, đo lường, xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	60,319,742,615	51,420,327,190
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46,968,481,237	45,959,813,010
Các khoản đầu tư tài chính	17,000,000,000	-
Cộng	124,288,223,852	97,380,140,200

Công nợ tài chính

Các khoản vay	-	31,815,257,928
Phải trả người bán và phải trả khác	24,315,650,602	50,400,952,954
Chi phí phải trả	501,471,311	821,802,256
Cộng	24,817,121,913	83,038,013,138

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1,507,936,900	-	20,621,816	x

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
31/12/2016	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	24,315,650,602	-	24,315,650,602
Chi phí phải trả	501,471,311	-	501,471,311
Các khoản vay	-	-	-
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
01/01/2016	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	50,400,952,954	-	50,400,952,954
Chi phí phải trả	821,802,256	-	821,802,256
Các khoản vay	31,815,257,928	-	31,815,257,928

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
31/12/2016	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	60,319,742,615	-	60,319,742,615
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46,759,917,637	208,563,600	46,968,481,237
Các khoản đầu tư tài chính	17,000,000,000	-	17,000,000,000
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Cộng
01/01/2016	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	51,420,327,190	-	51,420,327,190
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45,754,453,010	205,360,000	45,959,813,010

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Cùng công ty mẹ

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Bán hàng/ Doanh thu		
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	29,488,258,551	-
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	20,000,000	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	177,420,000	-
Các giao dịch khác		
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (thu nhập khác - cho thuê xe)	20,000,000	-

c) Số dư với các bên liên quan:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	19,302,711,195	-
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	35,200,000	-

d) Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1,290,703,846	1,183,002,192
Cộng	1,290,703,846	1,183,002,192

3. Thông tin so sánh

Khoản phải thu khách hàng của Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm TW 25 tại Hà Nội được trình bày ở khoản mục phải thu nội bộ ngắn hạn của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại để phù hợp với số liệu so sánh của kỳ này. Chi tiết số liệu được phân loại như sau:

		31/12/2015	
	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	36,615,866,232	5,414,247,265	42,030,113,497
Phải thu nội bộ ngắn hạn	5,414,247,265	(5,414,247,265)	-

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2016	48,155,827,256	54,690,692,056	2,827,031,176	1,074,025,930	106,747,576,418
Mua trong năm	153,444,545	2,826,868,818	-	-	2,980,313,363
Số dư ngày 31/12/2016	48,309,271,801	57,517,560,874	2,827,031,176	1,074,025,930	109,727,889,781
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2016	17,242,484,656	42,379,304,217	1,901,425,723	1,003,618,978	62,526,833,574
Khấu hao trong năm	1,445,602,485	3,275,315,523	220,398,159	31,495,629	4,972,811,796
Số dư ngày 31/12/2016	18,688,087,141	45,654,619,740	2,121,823,882	1,035,114,607	67,499,645,370
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	30,913,342,600	12,311,387,839	925,605,453	70,406,952	44,220,742,844
Tại ngày 31/12/2016	29,621,184,660	11,862,941,134	705,207,294	38,911,323	42,228,244,411

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 35.537.878.085 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 30.298.400.568 VND).

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Giá trị	01/01/2016	Trong kỳ		Giá trị	31/12/2016
		VND	Tăng	Giảm		VND
		Số có khả năng trả nợ			Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	31,815,257,928	31,815,257,928	80,868,601,437	112,683,859,365	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	27,735,257,928	27,735,257,928	79,668,601,437	107,403,859,365	-	-
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	4,080,000,000	4,080,000,000	1,200,000,000	5,280,000,000	-	-
Tổng cộng	31,815,257,928	31,815,257,928	80,868,601,437	112,683,859,365	-	-

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	55,646,410,000	2,129,282,000	7,713,918,737	5,888,735,042	71,378,345,779
Tăng vốn trong năm trước	22,300,000,000	4,460,000,000	-	-	26,760,000,000
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	2,507,587,985	2,507,587,985
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4,451,712,800)	(4,451,712,800)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	330,338,713	(1,433,398,561)	(1,103,059,848)
Giảm khác	-	-	-	(532,602,740)	(532,602,740)
Số dư tại ngày 31/12/2015	77,946,410,000	6,589,282,000	8,044,257,450	1,978,608,926	94,558,558,376
Tăng vốn trong năm nay	55,000,000,000	11,000,000,000	-	-	66,000,000,000
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	3,280,576,344	3,280,576,344

Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	125,379,400	(662,057,045)	(536,677,645)
Chia cổ tức	-	-	-	(1,656,725,460)	(1,656,725,460)
Thuế TNDN truy thu phải nộp	-	-	-	(481,649,390)	(481,649,390)
Số dư tại ngày 31/12/2016	132,946,410,000	17,589,282,000	8,169,636,850	2,458,753,375	161,164,082,225

Trong năm 2016, Công ty đã phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 32/NQ-TW25 ngày 04 tháng 04 năm 2016.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của Công ty là 188.843 VND. Khoản tiền này không được sử dụng để chia lãi cho cổ đông.

Thưa các Quý vị cổ đông!

Chúng ta đang ở trong giai đoạn mà nền kinh tế trong nước đang trong quá trình hội nhập sâu rộng, theo đó sẽ có cả cơ hội và thách thức đan xen. Thách thức cũng có thể trở thành cơ hội mới để nâng sức cạnh tranh nếu chúng ta biết nỗ lực vượt qua khó khăn. Việc tận dụng được cơ hội mới của việc hội nhập nhiều hay ít phụ thuộc vào chính chúng ta. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị Công ty CPDPTW25 nhiệm kỳ II (2012 – 2017) xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý vị cổ đông, các đối tác đã sát cánh với Công ty trong suốt 5 năm qua, đồng thời đánh giá cao sự tận tâm, nỗ lực và tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể cán bộ công nhân viên đã kiên trì vượt khó để duy trì SXKD, cùng nhau xây dựng, bồi đắp cho thương hiệu Công ty ngày càng vững mạnh.

Bước sang năm 2017, Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 đã hoạt động được 10 năm theo phương thức Công ty cổ phần. 10 năm chưa phải là một thời gian dài nhưng chúng ta đã có những bước đi quan trọng để làm nền tảng vững chắc trong thời gian tới. Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ II (2012 – 2017) tin tưởng Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ mới sẽ tiếp tục lãnh đạo, định hướng, giám sát chặt chẽ các mục tiêu để đưa công ty chúng ta ngày càng phát triển hơn nữa.

Xin kính chúc Quý vị cổ đông nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



LƯƠNG TÚ THANH